

DEVELOPING CRITICAL THINKING FOR STUDENTS OF VINH PHUC COLLEGES THROUGH TEACHING POLITICAL EDUCATION SUBJECT

Nguyen Duc Khiem

Vinh Phuc College

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 03/7/2023	Training, fostering and developing critical thinking for students at vocational education institutions is inevitable in the current trend. However, the research and teaching of critical thinking as an independent subject in the training program at vocational education institutions in general and Vinh Phuc College in particular has not been given due attention. Therefore, integrating training and developing critical thinking for students through the Political Education subject is profoundly meaningful in theoretical and practical significance, making a positive contribution to the cause of fundamental and comprehensive renovation of Education and Training in our country. Using methods of analysis, synthesis, comparison, the article presents some theoretical issues about critical thinking, the role and necessity of developing critical thinking for students through teaching Political Education subject. Simultaneously, we propose some measures, such as: active modern teaching methods; develop critical thinking through teaching students how to ask questionable questions; strengthen the language ability of students through the explanation of terms in the teaching process in order to contribute to the development of critical thinking for students of Vinh Phuc College through this subject.
Revised: 12/9/2023	
Published: 12/9/2023	
KEYWORDS	
Political education	
Critical thinking	
Vocational education	
Vinh Phuc College	
Students	

PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC QUA GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Nguyễn Đức Khiêm

Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 03/7/2023	Rèn luyện, bồi dưỡng và phát triển tư duy phản biện cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là tất yếu trong xu thế hiện nay. Tuy vậy, việc nghiên cứu, giảng dạy về tư duy phản biện như một môn học độc lập trong chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nói chung, trường cao đẳng Vĩnh Phúc nói riêng chưa được quan tâm đúng mức. Vì vậy, tích hợp đào tạo và phát triển tư duy phản biện cho học sinh, sinh viên thông qua môn học Giáo dục chính trị là việc làm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo ở nước ta. Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, bài viết trình bày một số vấn đề lý luận về tư duy phản biện, vai trò và sự cần thiết phải phát triển tư duy phản biện cho học sinh, sinh viên thông qua giảng dạy môn Giáo dục chính trị. Đồng thời, chúng tôi đề xuất một số biện pháp, như: tích cực hóa các phương pháp dạy học hiện đại; phát triển tư duy phản biện thông qua việc hướng dẫn học sinh, sinh viên cách đặt câu hỏi có vấn đề; tăng cường năng lực ngôn ngữ cho học sinh, sinh viên thông qua việc giải thích thuật ngữ trong quá trình giảng dạy nhằm góp phần phát triển tư duy phản biện cho học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc qua môn học này.
Ngày hoàn thiện: 12/9/2023	
Ngày đăng: 12/9/2023	
TỪ KHÓA	
Giáo dục chính trị	
Tư duy phản biện	
Giáo dục nghề nghiệp	
Cao đẳng Vĩnh Phúc	
Học sinh, sinh viên	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8256>

Email: nguyenduckhiem81@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Trong môi trường xã hội số hóa hiện nay, việc rèn luyện tư duy phản biện (TDPB) cũng như kỹ năng sống cho người học, đặc biệt là học sinh, sinh viên (HS, SV) ở các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH), giáo dục nghề nghiệp (GDNN) - nguồn nhân lực trực tiếp sử dụng, điều khiển, vận hành các dây truyền, công nghệ hiện đại vào quá trình sản xuất của cải vật chất cho xã hội là vô cùng quan trọng. Do vậy, phát triển TDPB nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo thành công yêu cầu đào tạo người công dân toàn cầu là một trong những mục tiêu quan trọng của nền giáo dục đương đại mà tất cả các quốc gia đều hướng đến. Để phát triển và hoàn thiện bản thân trong môi trường xã hội phát triển không ngừng hiện nay, HS, SV không chỉ sở hữu các kỹ năng tư duy: sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, quản lý thời gian, kiến thức về số học, tính toán hay khoa học mà còn phải đáp ứng các kỹ năng tư duy logic, giải quyết vấn đề, kiên định... Đáng ta nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học” [1]. Do đó, “để đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực trong nền kinh tế số, HS, SV phải có 16 kỹ năng thiết yếu. Trong đó, kỹ năng TDPB đứng ở vị trí thứ 7, đóng vai trò kết nối các kỹ năng còn lại để đạt đến kỹ năng cuối cùng - kỹ năng học tập suốt đời” [2, tr. 3]. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải trang bị cho HS, SV kỹ năng TDPB, bởi tư duy tốt và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống là “chìa khóa” giúp người lao động dễ dàng chinh phục những khó khăn, thử thách trong công việc và cuộc sống ở xã hội hiện đại.

Bàn về tư duy phản biện trong giáo dục đại học nói chung và trong cụ thể từng chuyên ngành giảng dạy tại các trường đại học, qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy có một số bài viết, công trình đề cập đến vấn đề này. Bàn về vấn đề dạy và rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện cho SV, tác giả Bùi Loan Thủy cho rằng, cần nâng cao nhận thức của SV trong việc hình thành và phát triển kỹ năng TDPB. Theo đó, cần yêu cầu SV nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, những mặt thiếu hụt về tư duy của bản thân; giảng viên (GV) cần “ra các bài tập luyện tập để nâng cao dần cấp độ chỉ số EQ (Emotion quotient) của SV”; “các bài tập luyện tập liên quan chặt chẽ đến khả năng phản biện để SV có thể: Nhìn nhận mọi vấn đề không bị rập khuôn, không phán đoán tình huống một cách hấp tấp, vội vàng. Nhận diện dễ dàng các dạng nguy hiểm trong thực tế; vận dụng, tuân thủ các nguyên tắc, quy luật logic của tư duy; đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề quan trọng cũng như là hệ thống hóa các ý tưởng, quan điểm, giải pháp của mình và trình bày chúng một cách mạch lạc, rõ ràng...” [3, tr. 81].

Bàn về tư duy phản biện trong giáo dục đại học, tác giả Nguyễn Thị Hòa nêu lên sự cần thiết của TDPB trong học tập đại học. Theo đó, TDPB cần thiết cho mỗi SV trong quá trình học tập ở bậc đại học xuất phát từ vai trò của TDPB từ yêu cầu của khu vực hóa, toàn cầu hóa và của yêu cầu của quá trình học tập bậc đại học. Tác giả bài viết cũng đưa ra một số phương pháp rèn luyện TDPB cho SV như: “Dẫn dắt SV đặt câu hỏi theo lối TDPB”; “khuyến khích, tạo điều kiện cho SV thường xuyên động não”; “lựa chọn và thường xuyên sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học...” [4, tr. 27-29]. Khẳng định vai trò của tư duy phản biện, tác giả Đỗ Trung Kiên cho rằng, tư duy phản biện giúp “chỉ ra những thiếu sót thường gặp trong quá trình tư duy và đưa ra những kiến giải cho một sự lựa chọn tối ưu có thể có” [5, tr. 80].

Lê Thanh Thế trong bài viết “Thực trạng và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng TDPB của SV Trường Đại học Đồng Nai theo giáo dục học Phật giáo” cũng trình bày một số biện pháp cụ thể để nâng cao kỹ năng TDPB của SV Trường Đại học Đồng Nai theo giáo dục học Phật giáo. Theo đó, tác giả cho rằng cần giúp SV “hình thành năng lực và trí tuệ thông qua trải nghiệm dưới sự dẫn dắt của GV”; “luyện tập phương pháp ghi nhận thông tin đúng đắn” và “chú trọng hình thành phẩm chất đạo đức” [6].

Bàn về giáo dục TDPB cho SV, tác giả Trần Tuyền và Nguyễn Thị Hiệp trong bài viết “Phát triển kỹ năng phản biện cho sinh viên” cho rằng “kỹ năng phản biện có thể biến lớp học thành “một xã hội thu nhỏ”. Với suy nghĩ đó, lớp học sẽ là một xã hội thu nhỏ với những bối cảnh và tình huống khác nhau trong thực tiễn để sinh viên thực hành và kiểm chứng những tri thức mà mình đã học được từ trường học” [7, tr. 95].

Nhiệm vụ cơ bản, quan trọng hàng đầu của môn Giáo dục chính trị được giảng dạy tại các cơ sở GDĐH, GDNV là trang bị cho HS, SV thế giới quan cách mạng, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận biện chứng duy vật - nền tảng của việc hình thành và phát triển TDPB cho HS, SV. Tuy nhiên, qua các bài viết, công trình nghiên cứu mà chúng tôi đề cập tới ở trên, có thể thấy, thực tế hiện nay là một bộ phận khá lớn HS, SV trong các cơ sở GDĐH, GDNV không thường xuyên phản biện, tranh luận trong quá trình học tập, đặc biệt là ở các môn khoa học xã hội và nhân văn như môn GDCT. Vì vậy, HS, SV thường rơi vào tình trạng học tập thụ động, chất lượng học tập không cao. Điều này, không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nói chung, chất lượng giảng dạy môn GDCT nói riêng mà còn ảnh hưởng đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống và chất lượng giáo dục toàn diện của các cơ sở GDĐH, GDNV. Xuất phát từ những lý do trên, bài viết trình bày một số vấn đề lý luận về TDPB, vai trò và sự cần thiết phải phát triển TDPB cho HS, SV qua giảng dạy môn GDCT, đồng thời, đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần phát triển TDPB cho HS, SV ở trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện bài viết này, tác giả đã tiếp cận những tài liệu thứ cấp như: các tài liệu tham khảo, các bài nghiên cứu trên các tạp chí khoa học... Qua đó, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh những tài liệu trên để có cái nhìn tổng quát về vấn đề nghiên cứu.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tư duy phản biện và vai trò của tư duy phản biện

Đời sống hiện thực là một dòng chảy liên tục và luôn vận động, biến đổi không ngừng, bởi vậy tư duy của con người cũng luôn vận động, biến đổi. Tuy nhiên, trong quá trình nhận thức, quá trình tư duy của con người luôn ẩn chứa mâu thuẫn giữa cái vô tận của thế giới khách quan với sự hữu hạn trong nhận thức, tư duy của con người trong từng thời điểm và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Do đó, con người không thể tránh khỏi những khuyết điểm, sai lầm trong quá trình tìm hiểu, khám phá thế giới khách quan. Song song với đó, quá trình nhận thức, khám phá giới tự nhiên con người luôn chịu sự chi phối, tác động của yếu tố chủ quan: động cơ, cảm xúc, lợi ích, kinh nghiệm, ý chí, niềm tin,... và các yếu tố khách quan: hoàn cảnh sống, môi trường xã hội, môi trường tự nhiên... Vì vậy, không phải lúc nào các phán đoán mà con người rút ra đều chân thực mà luôn ẩn chứa tính giả dối, thiếu chân thực, thậm chí là sai lệch,... đó là cơ sở làm nảy sinh TDPB.

Nhà triết học Hy Lạp cổ đại Socrates là người đầu tiên đề cập đến TDPB và nó liên tục được bổ sung, phát triển như một nhu cầu tất yếu của nền văn minh phương Tây. Điển hình như nhà triết học, nhà cải cách giáo dục và là cha đẻ của triết lý giáo dục thực nghiệm người Mỹ John Dewey cho rằng: “TDPB là suy nghĩ sâu sắc, là sự suy xét chủ động, liên tục, cẩn trọng về một niềm tin, một giả định khoa học có xét đến những lý lẽ bảo vệ nó và những kết luận xã hội” [8, tr. 13]. R. Ennis cho rằng: “TDPB là sự suy nghĩ sâu sắc, nhạy cảm, thực tế và hữu ích để quyết định niềm tin hay hành động” [8, tr. 14]. Trong những năm gần đây, ở Việt Nam đã có một số ấn phẩm và bài báo bàn luận về các phương pháp dạy học đề cập đến TDPB. Mặc dù vậy, chưa có tài liệu nào khái quát thành hệ thống lý luận về phát triển năng lực TDPB, điển hình là tác giả Lê Thanh Sơn, Đoàn Đức Lương cho rằng: “TDPB là một trong những dạng của tư duy bậc cao, bởi đó là quá trình suy luận dựa trên kết quả của hoạt động phân tích, đánh giá độ tin cậy của các nguồn thông tin thu nhận được từ nhiều góc nhìn; phát hiện các giả định của suy luận, các định kiến hoặc các lỗi logic để từ đó ra quyết định giải quyết vấn đề” [8, tr. 20]. Tác giả Lê Hải Yến cho rằng TDPB có nội hàm trùng với nội hàm khái niệm tư duy phê phán và nhấn mạnh: “Tư duy phê phán là một suy nghĩ với sự cân nhắc, cân nhắc để đi đến quyết định hợp lý khi hiểu hoặc tiến hành một vấn đề” [9, tr. 12]. Cùng bàn luận về vấn đề này, tác giả Lê Thị Thanh Hà cho rằng: “TDPB là quá trình tư duy khi tiếp nhận một thông tin thường có sự đào sâu, xem xét, phân tích, xử lý trong suy nghĩ để nhận thức được sai hay đúng sau đó mới ra quyết định chấp nhận hay không chấp nhận trên cơ sở của các quy luật logic, có lý lẽ, có dẫn chứng, có lý do, có căn cứ” [10, tr. 31]; Tác giả

Bùi Ngọc Quân quan niệm: “TDPB là một hoạt động nhận thức gắn liền với việc sử dụng trí óc và sự kết hợp các công cụ nhận thức cùng các quy luật tâm lý vào quá trình tập trung, phân tích, đánh giá và hướng tới việc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra với mục đích suy cho cùng là tìm ra chân lý khoa học” [11, tr. 79]. Tác giả Nguyễn Thị Hòa quan niệm: “TDPB là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác nhau cho vấn đề đã đặt ra” [4, tr. 25-26]. Dù có cách tiếp cận đa chiều về khái niệm TDPB, nhưng có thể nhận thấy nét tương đồng trong các cách tiếp cận trên: Nhấn mạnh tầm quan trọng của tính biện chứng, logic trong quá trình lập luận, trên cơ sở đó đề ra hướng giải quyết hiệu quả vấn đề nghiên cứu nhằm đạt tới chân lý của tri thức. Xuất phát từ các quan niệm trên, có thể hiểu cách đơn giản nhất, TDPB là một quá trình tư duy biện chứng, đa chiều được hình thành và phát triển trong quá trình rèn luyện trí tuệ về các khả năng: phân tích một vấn đề ở nhiều góc cạnh khác nhau, lập luận logic kết hợp với minh chứng rõ ràng, đầy đủ để đưa ra phán đoán chính xác, rút ra kết luận chân thực, có sức thuyết phục, tự đánh giá và tự điều chỉnh.

TDPB không phải là đích đến cuối cùng, mà là một quá trình tiếp diễn, một thói quen tự sửa chữa trong quá trình nhận thức của chủ thể, do đó, nó giúp chủ thể nhận thức hiểu quá trình tư duy được kết cấu như thế nào, những tác nhân do ngoại cảnh tác động đến chiều hướng suy nghĩ của chủ thể và thấy được lợi thế, giới hạn của ngôn ngữ được sử dụng trong việc bày tỏ những suy nghĩ đó. Điều này khác với tư duy phê phán (TDPP) thường có xu hướng thiên về phán xét nặng nề và tìm lỗi ở các kiến thức, thông tin, luận điểm được tiếp xúc. Bởi vậy, TDPB là một quá trình tư duy tích cực, chủ động giúp chủ thể nhận thức thấy được hiệu quả của quá trình tư duy, liên tục đánh giá suy nghĩ và tự sửa chữa. Ngược lại, TDPP là một quá trình thụ động, trong đó chủ thể nhận thức hành động theo mong muốn, suy nghĩ định kiến hoặc cảm xúc mà không có bất kỳ tiêu chí đánh giá nào. Do vậy, người có TDPB thường có khả năng thích nghi, ứng biến, giải quyết nhanh các vấn đề, tình huống mới và thường có khả năng làm chủ được mọi vấn đề nảy sinh trong thực tiễn tốt hơn.

TDPB giúp thực hiện các hoạt động học một cách chủ động, tích cực, nhận diện được các tình huống có vấn đề, biết cách thiết kế các câu hỏi nhận thức để làm rõ các tình huống có vấn đề của tư duy hoặc phản bác lại các nhận định, ý kiến được đưa ra chưa đủ hoặc không có luận cứ, luận chứng rõ ràng, thuyết phục, qua đó giải quyết vấn đề hiệu quả, sáng tạo. Như vậy, TDPB không chỉ giúp HS, SV phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, thu thập, sắp xếp thông tin và giải thích các vấn đề tường minh, ngắn gọn, súc tích mà còn giúp HS, SV vượt ra khỏi các lối mòn trong tư duy, hướng tới cái mới, thoát khỏi những rào cản của định kiến, đưa ra nhiều phương án khác nhau và lựa chọn được phương án tối ưu với những lập luận khoa học trên cơ sở các luận chứng, luận cứ tường minh, đầy đủ luận cứ đối với một vấn đề nào đó. Bởi vậy, phát triển TDPB sẽ tạo tiền đề cho sự kích thích tính chủ động, sáng tạo, tạo hứng thú, say mê cho HS, SV trong quá trình tìm kiếm và chiếm lĩnh tri thức. Phát triển TDPB cho HS, SV trong các cơ sở GDNN sẽ giúp HS, SV có khả năng lập luận, tiếp cận vấn đề một cách đa chiều. Từ đó, khơi gợi và kích thích ở HS, SV khả năng sáng tạo, mạnh dạn bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân, tránh sự thụ động, đồng thuận một cách hời hợt trước các vấn đề lí luận và thực tiễn đang đặt ra; giảm thiểu tối đa tình trạng học vẹt...giúp quá trình tích lũy tri thức của HS, SV hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, rèn luyện, bồi dưỡng, phát triển TDPB cũng giúp cho HS, SV hình thành, phát triển và hoàn thiện thói quen tư duy khoa học, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong học tập và thực tiễn cuộc sống một cách linh hoạt và hiệu quả hơn.

3.2. Sự cần thiết phải phát triển tư duy phản biện cho học sinh, sinh viên thông qua giảng dạy môn học Giáo dục chính trị

Sự phát triển của xã hội hiện đại, đòi hỏi người lao động phải có năng lực tư duy tốt để thích ứng và giải quyết các vấn đề mới của thời đại. Do vậy, ngay từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường, HS, SV cần có TDPB tốt. Kỹ năng này, giúp HS, SV biết chọn lọc thông tin, chủ động tiếp thu kiến thức, đánh giá các ý kiến, quan điểm đa chiều, luận đề một logic và có căn cứ. HS, SV có TDPB không chỉ để tự do bày tỏ quan điểm của bản thân mà còn là nhân tố thuận lợi để

rèn luyện tính kỷ luật, xây dựng động cơ học tập đúng đắn, nghiêm túc và khi đã nắm được kiến thức sẽ biết áp dụng vào thực tiễn, đặt nó dưới góc nhìn đa chiều. Ngược lại, nếu HS, SV không có TDPB sẽ rơi vào tình trạng lúng túng trong các tình huống cần phản biện hoặc phản biện không đúng cách, thậm chí là nói đại, nói bừa. Kết quả tất yếu của việc phản biện không đúng cách là sự ngụy biện.

Thực tế giảng dạy môn GDCT tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, qua khảo sát 473 HS, SV ở 17 lớp thuộc các hệ cao đẳng, trung cấp, tác giả nhận thấy có 112 HS, SV (23,68%) có ý kiến phản biện rõ ràng, mạch lạc, chính xác các câu hỏi, tình huống mà GV đặt ra, còn lại 361 HS, SV (76,32%) rơi vào tình trạng thụ động, không tự tin trình bày chính kiến của bản thân, lúng túng trong sử dụng ngôn từ khi lập luận và không ít HS, SV còn lười tư duy, có tâm lý ỉ lại... Điều đó tất yếu dẫn đến kết quả học tập của HS, SV với môn học GDCT không cao. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên: Cơ chế đào tạo, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo, HS, SV chưa có hứng thú với môn học...; trong đó, có nguyên nhân cơ bản từ phía GV trực tiếp giảng dạy môn học GDCT, không ít GV chưa thực sự đam mê với nghề, trong các bài giảng, tiết giảng chưa thực sự đổi mới phương pháp dạy học, hoặc không có những câu hỏi kích thích tư duy của HS, SV... Đây là tình trạng chung ở hầu hết các môn học, ngành học của nhà trường hiện nay, đặc biệt là các môn học thuộc nhóm khối kiến thức chung và các môn cơ sở như: Giáo dục pháp luật, GDCT, Xã hội học, Lịch sử văn minh thế giới, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt thực hành, Dẫn luận ngôn ngữ... Bởi vậy, việc rèn luyện, phát triển TDPB cho HS, SV không phải là vấn đề của riêng GV giảng môn GDCT, của HS, SV mà là nhiệm vụ chung của các đơn vị trong nhà trường.

Nhiệm vụ cơ bản của môn GDCT giảng dạy trong cơ sở GDNN là trang bị cho HS, SV thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận biện chứng duy vật - cơ sở nền tảng của TDPB. Vì thế, rèn luyện, phát triển TDPB cho HS, SV thông qua giảng dạy môn học này là việc làm cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Theo kết cấu chương trình đào tạo của các cơ sở GDNN, môn GDCT được giảng dạy ngay ở học kỳ I, năm thứ nhất, nên nhiệm vụ của GV giảng dạy môn GDCT cần tạo được môi trường học tập mở, khơi gợi hứng thú học tập của HS, SV, định hướng để HS, SV tự đọc, tự học, tự đánh giá, tạo cho HS, SV sự chủ động trong học tập, hình thành ở các em khả năng thích nghi nhanh... Làm được điều này sẽ giúp HS, SV hình thành phương pháp học tập khoa học, cách tiếp nhận, bổ sung, phát triển tri thức, vận dụng sáng tạo hệ thống tri thức của môn học để học tốt các môn học khác; đồng thời tự hoàn thiện bản thân. Đối với sinh viên năm thứ nhất, các em chưa quen với môi trường học tập, phương pháp giảng dạy ở bậc cao đẳng, đại học nên các em còn lúng túng trong việc tìm cách thích nghi với môi trường học, phương pháp học tập mới... Song song với đó, mới rời ghế nhà trường phổ thông nên HS, SV chưa có sự hiểu biết xã hội sâu, rộng, tư duy khái quát hóa, trừu tượng hóa chưa cao,... nên nếu GV không có phương pháp dạy học đúng đắn, phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS, SV sẽ dễ dẫn thái độ học thụ động, tâm lý chán học, sợ học đối với môn học này.

3.3. Phát triển tư duy phản biện cho học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Vĩnh Phúc qua giảng dạy môn học Giáo dục chính trị

Chất lượng Giáo dục và Đào tạo phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, song yếu tố chiếm vị trí quan trọng hàng đầu là đội ngũ người thầy. Để có nền giáo dục tiên tiến, toàn diện, trước hết phải có một đội ngũ nhà giáo giỏi về chuyên môn, triển khai và thực hiện có hiệu quả hệ thống năng lực nghề trong hoạt động lao động sư phạm, mẫu mực về phẩm chất đạo đức, lối sống... Bởi vậy, để có thể rèn luyện, phát triển TDPB cho HS, SV thì GV cần phải có TDPB, với GV giảng dạy môn GDCT điều này càng cần thiết, bởi TDPB là quá trình của tư duy biện chứng. Muốn có TDPB, đòi hỏi người GV phải đáp ứng được ba nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thứ nhất, có kiến thức chuẩn về chuyên môn - kiến thức của cả chương trình môn học. Đây là nhân tố có ý nghĩa quan trọng giúp người GV trong quá trình hoạt động sư phạm có thể liên kết, hệ thống hoá kiến thức cần thiết giúp HS, SV dễ nắm bắt những nội dung

chính của bài học, môn học. Đồng thời, khi GV chuẩn về kiến thức chuyên môn sẽ tạo được sự tự tin, chủ động dẫn dắt HS, SV tiếp cận kiến thức thông qua quá trình phản biện.

Nguyên tắc thứ hai, có sự am hiểu về thực tiễn cuộc sống, phong kiến thức sâu, rộng, thường xuyên cập nhật các thông tin kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội trong nước và quốc tế. Đây là yêu cầu tất yếu đối với người làm công tác dạy học. Trong kỷ nguyên số, kỷ nguyên của cách mạng công nghệ hiện nay, tri thức nhân loại gia tăng một cách nhanh chóng cả về bề rộng và chiều sâu nên học tập suốt đời trở thành yêu cầu tất yếu đối với người lao động nói chung, người lao động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói riêng. Do đó, nếu GV giỏi kiến thức chuyên môn, có thủ thuật sư phạm phù hợp, giàu kiến thức thực tiễn không chỉ làm cho bài giảng trở nên sinh động, lôi cuốn HS, SV vào bài giảng một cách tự nhiên mà còn tạo sự kết nối giữa nội dung bài giảng với thực tiễn một cách sinh động, đa dạng thông qua những ví dụ minh họa cụ thể từ thực tiễn đời sống. Qua đó, kích thích HS, SV tích cực tìm tòi, thu thập thông tin và vốn hiểu biết của bản thân để tham gia vào quá trình tranh luận, phản biện cùng GV và bạn học.

Nguyên tắc thứ ba, có kỹ năng sư phạm và những phẩm chất cần thiết để rèn luyện TDPB. Mục đích trong hoạt động lao động sư phạm của người GV là chuẩn bị cho HS, SV những phẩm chất và năng lực cần thiết để bước vào cuộc sống lao động sản xuất, duy trì sự phát triển của xã hội và làm chủ tương lai. Do đó, lao động sư phạm của người GV là sự tái sản xuất sức lao động xã hội, “sáng tạo ra sức mạnh con người”. Bởi vậy, kết quả sau quá trình lao động sư phạm của người GV không chỉ phụ thuộc vào trình độ được đào tạo mà còn phụ thuộc vào phức hệ các giá trị: Phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, năng lực chuyên môn của mỗi GV. Năng lực sư phạm tốt giúp GV có thể quan sát, bao quát và nắm bắt được tâm lý HS, SV, lôi cuốn HS, SV vào các hoạt động học tập một cách có hiệu quả. Đây cũng là cơ sở nền tảng để GV môn GDCT phát triển các kỹ năng của TDPB cho HS, SV. Nếu như TDPB chỉ đòi hỏi ở người học kỹ năng lập luận và kỹ năng giải quyết vấn đề, thì đối với người GV giảng dạy môn GDCT, để có thể phát triển TDPB cho HS, SV, còn cần nhiều kỹ năng và phẩm chất khác như: lắng nghe tích cực, chấp nhận sai lầm và không thành kiến, đặt câu hỏi kích thích tư duy, phản hồi tích cực, khả năng định hướng thông tin cho người học. Sản phẩm sau quá trình lao động sư phạm của người GV là sự thay đổi và phát triển của HS, SV. Các sản phẩm này mang tính vô hình nhưng lại đóng vai trò quyết định đến quá trình hình thành, tạo dựng các sản phẩm hữu hình trong các hoạt động lao động của các ngành nghề khác. Nếu các ngành nghề khác trong xã hội sử dụng công cụ lao động hữu hình, với các phương pháp lao động mang tính cụ thể, phổ quát để tác động lên các đối tượng vật chất nhằm tạo ra sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người, tạo nên tăng kinh tế cho sự phát triển của xã hội thì lao động sư phạm sử dụng nguồn vốn là tri thức, kinh nghiệm,... của nhân loại được lựa chọn và đưa đến HS, SV để họ tiếp thu, kiến tạo thành sức mạnh nội sinh, chuyển thành vốn tri thức của cá nhân - yếu tố nhân lõi tạo nên sự thay đổi và phát triển của cá nhân. Đi liền với đó là hệ thống nhân cách và phẩm chất tâm hồn của người GV cũng ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách, năng lực, thái độ làm việc,... của HS, SV.

Nhất quán với ba nguyên tắc đã nêu ở trên, dựa vào đặc điểm của HS, SV Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc luôn có tâm lý e ngại học tập các môn GDCT, rụt rè, thiếu động cơ học tập, cũng như coi các môn GDCT là môn học điều kiện, không liên quan nhiều đến chuyên ngành nên không đưa ra ý kiến phản biện, không giải quyết được tình huống thực tiễn mà GV đặt ra. Qua quá trình giảng dạy môn GDCT tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, tổng kết một số kinh nghiệm của bản thân, tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm rèn luyện và phát triển TDPB cho HS, SV của nhà trường như sau:

Thứ nhất, tích cực hóa các phương pháp dạy học hiện đại: Phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề,... trong quá trình dạy - học nhằm thúc đẩy HS, SV suy nghĩ theo lối phản biện. Với quan điểm dạy học “lấy người học làm trung tâm”, những năm gần đây, việc sử dụng các phương pháp: Đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, nêu vấn đề,... đã trở nên quen thuộc đối với người làm nghề dạy học. Mặc dù vậy, kỹ thuật đặt câu hỏi trong các phương pháp trên vẫn chưa được phát huy hiệu quả như mong muốn nên chưa kích thích được HS, SV “động não”.

Do đó, để việc đổi mới phương pháp dạy học được hiệu quả, nhất là trong giảng dạy các khái niệm, phạm trù mang tính trừu tượng, khái quát cao trong môn GDCT, đòi hỏi GV không chỉ có kiến thức chuyên môn vững vàng, năng lực sư phạm tốt, ngôn ngữ trong sáng, khúc triết, logic mà còn phải biết dẫn dắt, gợi mở,... để đưa HS, SV vào các tình huống có vấn đề của bài toán nhận thức, thúc đẩy HS, SV suy nghĩ theo lối phản biện, kích thích sự tò mò, chủ động nhận thức các vấn đề tri thức khoa học của bài giảng, môn học.

Thứ hai, phát triển TDPB thông qua việc hướng dẫn HS, SV cách đặt câu hỏi có vấn đề nhằm đưa quá trình nhận thức của HS, SV vào các tình huống có vấn đề cụ thể cũng như hướng giải quyết các vấn đề đặt ra của bài toán nhận thức. Nội dung tri thức của môn GDCT được cấu thành từ nhiều học phần thuộc các môn Lý luận chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có đối tượng nghiên cứu khác nhau nhưng đều nằm trong một hệ thống lý luận khoa học thống nhất - khoa học về sự nghiệp giải phóng con người và xã hội loài người khỏi áp bức, bóc lột và khổ đau. Những nguyên lý, quy luật của Triết học và Kinh tế chính trị học có ý nghĩa là tiền đề quan trọng để đi sâu khám phá những quy luật đấu tranh chính trị - xã hội, luận giải thấu đáo các phạm trù trong phần chủ nghĩa xã hội khoa học và thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vì vậy, trước khi giảng bài mới, GV cần và nhất thiết phải yêu cầu HS, SV nghiên cứu giáo trình, cung cấp cho HS, SV các học liệu tham khảo liên qua đến bài học, khuyến khích HS, SV suy nghĩ độc lập và đặt ra các hoài nghi khoa học xung quanh vấn đề nghiên cứu, hướng dẫn HS, SV hỏi đúng trọng tâm thông qua việc xác định các “từ khóa” của nội dung bài học. Bên cạnh đó, trong quá trình thảo luận, GV nên đề HS, SV đưa ra nhận xét hoặc đánh giá vấn đề, yêu cầu HS, SV đưa ra các lý lẽ bảo vệ quan điểm cá nhân. Thực hiện được yêu cầu này một mặt giúp HS, SV nhận thức được sâu sắc nội dung tri thức bài học, biết cách biện luận trước các luận điểm sai trái, thiếu căn cứ khoa học, mặt khác tạo tiền đề thuận lợi để HS, SV có tư duy độc lập và TDPB. Ví dụ: Đề lý giải sâu sắc luận điểm: “...Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau” [12, tr. 95], GV có thể yêu cầu HS, SV thảo luận để làm rõ vấn đề qua một số câu hỏi: Tại sao nói: sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên? hoặc Chứng minh rằng quy luật sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản? Trong quá trình HS, SV thảo luận, GV đóng vai trò là “trọng tài” để dẫn dắt và giúp HS, SV đưa ra kết luận cuối cùng. Trong hoạt động này, GV gợi ý để HS, SV sử dụng sơ đồ tư duy để thể hiện ý kiến, quan điểm. Qua đó, HS, SV thấy được vai trò của bản thân trong quá trình tìm hiểu tri thức, bổ sung được kiến thức thực tiễn vào nội dung bài học và chính hoạt động cũng làm cho không khí lớp học trở nên sôi động, sự tương tác giữa thầy - trò, trò - thầy và trò - trò được phát huy tới đa hiệu quả, kích thích hứng thú học tập của HS, SV, giúp hoạt động lao động sư phạm của GV đạt kết quả cao hơn.

Thứ ba, tăng cường năng lực ngôn ngữ cho HS, SV thông qua việc giải thích thuật ngữ trong quá trình giảng dạy. Ngôn ngữ là vỏ vật chất của tư duy; ngôn ngữ càng phong phú thì tư duy càng được phát triển. Tuy nhiên, qua thực tiễn giảng dạy, tiếp xúc với nhiều HS, SV của nhà trường, tôi nhận thấy, có một số lượng không nhỏ HS, SV khá lúng túng trong việc sử dụng từ ngữ tiếng Việt, nhiều HS, SV không hiểu rõ ý nghĩa của các từ, cụm từ mà các em vẫn hay sử dụng như: lịch sử - cụ thể, toàn diện, khách quan, chủ quan, duy ý chí, ngụy biện... Trong khi đó, có nhiều thuật ngữ trong môn GDCT mang tính trừu tượng nên việc giải nghĩa các từ hay cụm từ để HS, SV nhận thức được vấn đề là rất cần thiết. Việc hiểu rõ nghĩa của các thuật ngữ sẽ giúp HS, SV tự tin hơn khi tranh luận, thảo luận và trình bày quan điểm. Qua đó, vốn từ và ngữ pháp tiếng Việt của HS, SV được nâng lên, góp phần thúc đẩy tư duy phát triển hơn.

4. Kết luận

TDPB là một trong những yếu tố cần thiết tạo nên sự thành công của HS, SV trong học tập, cuộc sống và quá trình lao động sản xuất sau khi kết thúc khóa học. Trong quá trình đổi mới căn

bản toàn diện giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, thì việc rèn luyện TDPB cho HS, SV nói chung, HS, SV trường Cao đẳng Vĩnh Phúc qua môn GDCT nói riêng lại càng rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Điều đó giúp HS, SV trưởng thành hơn về mặt nhận thức, tạo động lực, hứng thú trong quá trình học tập, chủ động, cởi mở hơn trong việc thừa nhận sai lầm của bản thân. Qua đó, HS, SV nhận thức sâu sắc các vấn đề lý luận được truyền đạt, xử lý linh hoạt, hiệu quả các luồng thông tin trái chiều, lý giải được những vấn đề của thực tiễn cuộc sống đã, đang và sẽ xảy ra. Cùng với đó, phát triển TDPB không chỉ giúp HS, SV nhà trường nhận thức tốt nội dung tri thức khoa học của môn học mà còn nhận thức được tốt hơn ở các môn học khác, mở rộng khả năng rèn luyện các năng lực, phẩm chất cần thiết khác nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Central Executive Committee, *Resolution No. 29-NQ-TW, dated November 4, 2013 on fundamental and comprehensive renovation of education and training, meeting the requirements of industrialization and modernization in terms of conditions. Socialist-oriented market economy and international integration*, Hanoi, 2013.
- [2] World Economic Forum, *New Vision for Education Unlocking the Potential of Technology*, 2015.
- [3] L. T. Bui, "Teaching and training critical thinking skills for students," *Journal of Development & Integration*, vol. 7, No. 17, pp. 76-81, November-December 2012.
- [4] T. H. Nguyen, "Discussing critical thinking in higher education," *Dong Nai University Journal of Science*, No. 05, pp. 23-30, 2017.
- [5] T. K. Do, "On the role of critical thinking and requirements for teaching in Vietnam," *Journal of Development and Integration*, vol. 5, no. 15, pp. 80-83, 2012.
- [6] T. T. Le, "The current situation and proposed measures to improve the critical thinking skills of students of Dong Nai University according to Buddhist education," *Dong Nai University Journal of Science*, No. 06, pp. 29-37, 2017.
- [7] T. H. Nguyen, "Develop the critical skill for students," *Journal of Education Management Science*, vol. 28, No. 04, pp. 93-97, December 2020.
- [8] T. S. Le and D. L. Doan, *Critical thinking skills*. Hue University Publishing House, 2018.
- [9] H. Y. Le, *Teaching and learning how to think*. Hanoi National University of Education Publishing House, 2008.
- [10] T. T. H. Le, "Improving critical thinking capacity for leaders and managers in our country," *Communist Journal - Grassroots theme*, no. 124, pp. 31-35, April 2017.
- [11] N. Q. Bui, "Discussing Critical Thinking," *Philosophical Review*, vol. 1, no. 36, pp. 77-84, January 2021.
- [12] M. Karl and E. Friedrich, *Manifesto of the Communist Party* (reprint). National Political Publishing House - Truth, 2004.